TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V**. Địa chỉ trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Chức danh: Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân Miền Bắc – Khối quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP V, theo văn bản ủy quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/08/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V. Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Hồng B: Ông Nguyễn Anh T – Trưởng bộ phận Xử lý nợ, ông Lê Văn T, ông Tào Viết T, ông Lê Tài T– Chuyên viên Xử lý nợ. Cùng địa chỉ: Tầng 4, 112 P, quận H, Đà Nẵng. Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* **Bà Đỗ Thị Quỳnh N.** Sinh năm: 1991. Địa chỉ: 120 L, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng TMCP V (viết tắt là VPBank) có cho bà Đỗ Thị Quỳnh N vay vốn theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2211177478913 ký ngày 07/12/2022. Số tiền cho vay: 12.600.000.000 (Bằng chữ: Mười hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

Thời hạn vay: 300 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua BĐS tại Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55; địa chỉ 126 Đường D, phường A, quận S, Đà Nẵng.

Khế ước nhận nợ 1 ký ngày 07/12/2022. Số tiền cho vay: 4,500,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu). Các kỳ hạn trả nợ: Ân hạn trả nợ gốc 12 tháng, sau thời gian ân hạn, gốc trả một tháng/ lần vào ngày 10 của tháng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 10/12/2023.

Khế ước nhận nợ 2 ký ngày 27/12/2022. Số tiền cho vay: 3,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn).`

Khế ước nhận nợ 3 ký ngày 31/12/2022. Số tiền cho vay: 3,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn).

Khế ước nhận nợ 4 ký ngày 14/12/2022. Số tiền cho vay: 2,100,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Các Khế ước nhận nợ trên đều thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13.09 %/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (gọi là Thời gian cố định). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của VPBank thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được bên Ngân hàng công bố tại website có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm.

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho

vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian châm trả.

Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 04/01/2023 (LD2300701013 theo T24). Số tiền vay: 300,000,000 đồng. (Ba trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của VPBank. Lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55, tại địa chỉ 126 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR805786, Số vào số cấp GCN: CTs 187620 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2019 cho ông Huỳnh K và bà Văn Thị L; Ngày 05/12/2022 chỉnh lý biến động sang tên bà Đỗ Thị Quỳnh N theo hợp đồng thể chấp số 004721 ngày 19/12/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán được cho Ngân hàng 5.133.798 đồng tiền gốc, 258.540.714 đồng tiền lãi. Bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/12/2023. Tính đến ngày 30/09/2024, bà Đỗ Thị Quỳnh N còn nợ VPBank theo các Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là: 15,708,830,493 đồng trong đó nợ gốc 12,894,866,202 đồng, nợ lãi 2,813,964,291đồng.

Cụ thể; Khế ước nhận nợ 1 ký ngày 07/12/2022 dư nợ gốc là 4,500,000,000 đồng, dư nợ lãi là 946,296,826 đồng, tổng cộng 5,446,296,826 đồng.

Khế ước nhận nợ 2 ký ngày 27/12/2022 dư nợ gốc là 3,000,000,000 đồng, dư nợ lãi là 456,037,634 đồng, tổng cộng 2,556,037,634 đồng.

Khế ước nhận nợ 3 ký ngày 31/12/2022 đồng, dư nợ gốc là 3,000,000,000 đồng, dư nợ lãi là 652,242,539 đồng, tổng cộng 3,652,242,539 đồng.

Khế ước nhận nợ 4 ký ngày 14/12/2022 dư nợ gốc là 2,100,000,000 đồng, dư nợ lãi là 456.037.634 đồng, tổng cộng 2.556.037.634 đồng.

Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 04.01.2023 dư nợ gốc là 294,866,202 đồng, dư nợ lãi là 106,999,040 đồng, tổng cộng là 401,865,242 đồng.

Ngân hàng yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: với số tiền là: 15,708,830,493 đồng trong đó nợ gốc 12,894,866,202 đồng, nợ lãi 2,813,964,291 đồng.

Buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Đỗ Thị Quỳnh N phải thanh toán hết nợ cho VPBank.

Buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải thanh toán lại cho ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3,000,000 đồng.

Trường hợp bà Đỗ Thị Quỳnh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55, tại địa chỉ: 126 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR805786, Số vào sổ cấp GCN: CTs 187620 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2019 đã chỉnh lý biến động sang tên bà Đỗ Thị Quỳnh N ngày 05/12/2022 và được thế chấp cho ngân hàng, chi tiết hợp đồng thế chấp số 004721 ngày 19/12/2022 tại văn phòng công chứng T. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bà Đỗ Thị Quỳnh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã chuyển quá hạn.

Ngân hàng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 173-P-1872515 ngày 12.12.2022 với số tiền nợ thẻ: 269.001.388 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nay là Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Ngân hàng TMCP V (viết tắt là VPBank) với bà Đỗ Thị Quỳnh N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 07/12/2022 VPBank ký Hợp đồng tín dụng số LN2211177478913 (gọi tắt là hợp đồng số 13) và ngày 04/01/2023 ký Giấy đề nghị vay vốn với bà Đỗ Thị Quỳnh N.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng số 13, Ngân hàng cho bà Đỗ Thị Quỳnh N vay số tiền 12.600.000.000 (Bằng chữ: Mười hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Phương thức vay: Cho vay từng lần. Thời hạn vay: 300 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55; địa chỉ 126 Đường D, Phường A, Quận S, Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, ngân hàng đã giải ngân cho bà Đỗ Thị Quỳnh N tại 04 khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ ký ngày 07/12/2022 số tiền cho vay: 4,500,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu). Khế ước nhận nợ ngân hàng xác nhận chấp thuận ngày 29/12/2022, số tiền cho vay: 3,000,000,000 đồng. Khế ước nhận nợ ký ngày 31/12/2022, số tiền cho vay: 3,000,000,000 đồng. Khế ước nhận nợ ký ngày 14/12/2022, số tiền cho vay: 2,100,000,000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 13.9%/năm cố định cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thài điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Các kỳ hạn trả nợ: Ân hạn trả nợ gốc 12 tháng, sau thời gian ân hạn, gốc trả một tháng/lần vào ngày10 của tháng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 10/12/2023.

Đối với Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 04/01/2023 số tiền vay: 300,000,000 đồng. (Ba trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của VPBank. Lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Quỳnh N đã thanh toán được cho Ngân hàng 5.133.798 đồng tiền gốc, 258.540.714 đồng tiền lãi. Bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng chuyển nợ lãi quá hạn từ ngày 15.12.2024. Tính đến ngày 30/09/2024, bà Đỗ Thị Quỳnh N còn nợ VPBank theo các Hợp đồng tín dụng trên với số tiền là: 15,708,830,493 đồng trong đó nợ gốc 12.894.866.202 đồng, nợ lãi 2.813.964.291 đồng. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30.9.2024 là 15.708.830.493 đồng trong đó nợ gốc 12.894.866.202 đồng, nợ lãi 2.813.964.291 đồng.

Bà Đỗ Thị Quỳnh N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn đã ký kể từ ngày 01.10.2024 đến ngày trả hết nợ.

[3.2]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP P thì thấy:

Để bảo đảm cho bà Đỗ Thị Quỳnh N vay vốn tại Ngân hàng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 004721 ngày 19/12/2022, bà Đỗ Thị Quỳnh N đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55, diện tích 108,8m^2 tại địa chỉ 126 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR805786, Số vào sổ cấp GCN: CTs 187620 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2019 cho ông Huỳnh K và bà Văn Thị L; ngày 05/12/2022 chỉnh lý biến động sang tên bà Đỗ Thị Quỳnh N.

Tài sản bảo đảm trên được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3.5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 7 năm 2024 thể hiện: Hiện trạng tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với hiện trạng tại thời điểm thế chấp. Do đó, căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp bà Đỗ Thị Quỳnh N không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng

[4.2] . Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng bà Đỗ Thị Quỳnh N phải chịu. Do ngân hàng đã chi nên bà Đỗ Thị Quỳnh N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nay là Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đỗ Thị Quỳnh N về yêu cầu trả 269.001.388 đồng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 173-P-1872515 ngày 12.12.2022.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đỗ Thị Quỳnh N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30.9.2024 theo hợp đồng tín dụng số LN2211177478913 ngày 07.12.2022 kiêm các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 04/01/2023 là 15.708.830.493 (Mười lăm tỷ, bảy trăm linh tám triệu, tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm chín mươi ba) đồng trong đó nợ gốc là 12.894.866.202 đồng, nợ lãi là 2.813.964.291 đồng.

Kể từ ngày 01.10.2024, bà Đỗ Thị Quỳnh N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V các khoản nợ, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp bà Đỗ Thị Quỳnh N không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 55, diện tích 108,8m^2 tại địa chỉ 126 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR805786, số vào sổ cấp GCN: CTs 187620 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/5/2019 cho ông Huỳnh K và bà Văn Thị L; ngày 05/12/2022 chỉnh lý biến động sang tên bà Đỗ Thị Quỳnh N theo hợp đồng thế chấp số 004721 ngày 19/12/2022 **.**

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Đỗ Thị Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 123.708.830 (Một trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn, tám trăm ba mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 61.587.726 đồng theo biên lai thu số 00223 ngày 23.4.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng bà Đỗ Thị Quỳnh N phải chịu. Ngân hàng TMCP V đã chi nên buộc bà Đỗ Thị Quỳnh N phải hoàn trả 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP V.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu